

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 154/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi sự nghiệp tài nguyên môi trường và
bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường; số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 396/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số mức chi sự nghiệp tài nguyên môi trường và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo thẩm tra số 326/BC-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp tài nguyên môi trường và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số mức chi sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh do ngân sách nhà nước bảo đảm để làm căn cứ lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

2. Các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, bao gồm: Quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học và các nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

3. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường (bao gồm cả các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Mức chi

1. Mức chi phí quản lý chung đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Một số mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Trường hợp các văn bản áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

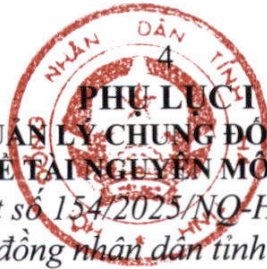
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- UBND, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, HD4, TH2.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tú Anh



PHỤ LỤC I
MỨC CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC NHIỆM VỤ
CHI VỀ TẠI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 154/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chi phí quản lý chung, gồm: chi phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...) cho bộ máy quản lý; chi phí điện, nước, điện thoại, xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ cho bộ máy quản lý; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, công cụ, dụng cụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (hoặc chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; doanh nghiệp thực hiện); chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết của đơn vị; chi phí chuyển quân; chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công; chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của đơn vị thực hiện và các chi phí khác mang tính chất quản lý có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án.

1. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên); doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án, chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ % tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

Nhóm công việc	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật)	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc không có định mức kinh tế kỹ thuật)
1. Ngoại nghiệp		
Nhóm I	28%	23%
Nhóm II	25%	18%
Nhóm III	20%	15%
2. Nội nghiệp (nhóm I, II, III)	15%	12%

Trong đó:

- * Ngoại nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa.
- * Nội nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ, dự án theo đơn giá không tính chi phí khấu hao tài sản cố định, thì chi phí quản lý chung được tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định).

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có): được tính chi phí quản lý chung tối đa 25 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án, đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng; trường hợp

nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn 5 tỷ đồng thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Trường hợp nhiệm vụ, dự án có chi phí chuyển quân, chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công, chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của đơn vị thực hiện và các chi phí khác có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có), đơn vị lập dự toán ở khoản mục các chi phí khác quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể, chế độ chi tiêu hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

** Nhóm I, II, III theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



PHỤ LỤC II
MỘT SỐ MỨC CHI NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 154/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (1.000 đ)	Ghi chú
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án			<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
	Lập đề cương nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1.500	
	Lập đề cương dự án	Dự án	4.000	
2	Họp hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án	Buổi họp		<i>Theo quy chế của cấp có thẩm quyền quy định có nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng mới được tính</i>
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương</i>
4	Điều tra, khảo sát			
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập	

			tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
d	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án	Báo cáo		
	- Nhiệm vụ		5.000	
	- Dự án		12.500	
	Riêng lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo khoản 2 Phần III Phụ lục 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC.			
6	Hội thảo (nếu có)			
	Người chủ trì	Người/buổi	500	
	Thư ký hội thảo	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Hội thảo	150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án	Người/buổi		
	- Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	Chủ tịch hội đồng		400	
	Thành viên, thư ký		200	
	- Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 154/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

1. Một số mức chi sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (1.000 đ)	Ghi chú
1	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
2	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
3	Điều tra, khảo sát			
3.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
3.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
3.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
3.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có</i>
3.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (1.000 đ)	Ghi chú
				người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:			
	- Nhiệm vụ	Báo cáo	5.000	
	- Dự án	Báo cáo	12.500	
5	Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường; Đoàn kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng/ Trưởng đoàn kiểm tra	Người/buổi	700	
	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng Đoàn kiểm tra (nếu có)	Người/buổi	600	
	Ủy viên, thư ký Hội đồng/Đoàn kiểm tra	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
6	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng.	Bài viết	400	Số lượng bài nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03
	Hội thảo khoa học (nếu có)			
	Người chủ trì	Người/buổi	500	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (1.000 đ)	Ghi chú
	Thư ký hội thảo	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
7	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
7.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	400	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
7.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
8	Chi giải thưởng môi trường:			
8.1	Tổ chức			
	Giải nhất		10.000	
	Giải nhì		7.000	
	Giải ba		5.000	
8.2	Cá nhân			
	Giải nhất		7.000	
	Giải nhì		5.000	
	Giải ba		3.000	

2. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án:

a) Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: gồm chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự toán chi phí được tính trên cơ sở khối lượng (x) đơn giá dự toán.

- Đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: Dự toán chi phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án; mức cụ thể như sau:

Hạng mục công việc	Chi phí trực tiếp (tỷ đồng)									
	≤ 5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
Nhiệm vụ, dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (%)	1,60	1,00	0,80	0,70	0,64	0,58	0,53	0,48	0,44	0,40

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a)}{G_a - G_b} \times (G_i - G_b).$$

Trong đó: K_i : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ lệ %); K_a : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ lệ %); K_b : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ lệ %); G_i : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ đồng); G_a : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ đồng); G_b : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ đồng).

Trong trường hợp nhiệm vụ, dự án được lập và phê duyệt thành hai bước (bước xây dựng và trình phê duyệt tổng thể dự án; bước lập và trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán), dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án phân bổ cho từng bước công việc do các Bộ, địa phương quyết định trong tổng kinh phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ nêu trên.

Chi phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp tại bảng số liệu nêu trên là tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định có tất cả các chi phí lập nhiệm vụ, dự án quy định nêu trên; do vậy khi lập dự toán chỉ tính các chi phí mà nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính tất cả các chi phí nêu trên nếu không phải thực hiện. Căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng thực hiện, chế độ tài chính hiện hành để dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm (Hoạt động quan trắc; Kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật; Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; nhiệm vụ thường xuyên khác nếu có) và các nhiệm vụ không thường xuyên (bao gồm sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị và nhiệm vụ không thường xuyên khác nếu có): thực hiện theo quy định hiện hành, không tính dự toán lập nhiệm vụ.

Trường hợp nhiệm vụ cần thiết (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải có chi phí lập nhiệm vụ, được tính theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH